

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2019

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Về triển khai kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC

Để triển khai thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2019 theo Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của tỉnh Quảng Bình năm 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch đã đề ra, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa các nhiệm vụ cải cách TTHC, xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông với nhiệm vụ cải cách thể chế và các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã tập trung đẩy mạnh một số hoạt động cải cách TTHC trong năm 2019 như: Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong đó chỉ đạo quyết liệt việc tổ chức thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Tăng cường trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử và thực hiện ký số văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp chính quyền địa phương theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ. Triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, trong đó chú trọng đến việc đẩy mạnh cải cách TTHC, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hoá TTHC. Thực hiện nâng cấp và hoàn thiện các chức năng trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tổ chức xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh trên cơ sở nâng cấp tính năng Hệ thống thông tin kinh tế-xã hội và Hệ thống báo cáo trực tuyến đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ. Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Bình; Mẫu phiếu khảo sát, tiêu chí tự đánh giá và phương pháp thu thập, tổng hợp, công khai kết quả đánh giá trực tuyến việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình...

UBND đã tổ chức Hội nghị sơ kết một năm thành lập và hoạt động của Trung tâm Hành chính công và hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018. Ngoài việc đề ra các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành,

tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác cải cách TTHC. Đồng thời, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt giữa UBND tỉnh với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank). Đã ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình năm 2019”, bao gồm các sáng kiến về đơn giản hóa TTHC; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC các cấp; ứng dụng công nghệ, thông tin vào công tác quản lý, điều hành, giải quyết TTHC ở cơ quan hành chính nhà nước.

Đề định hướng hoạt động cải cách TTHC và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác kiểm soát TTHC của năm 2019, UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành hơn 300 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC theo từng lĩnh vực.

2. Về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về TTHC cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1182/UBND-NC ngày 19/7/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cùng với đó, đã tổ chức nhiều hội nghị đối thoại và gặp mặt để hỗ trợ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh¹. Đồng thời, trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo kế hoạch hàng năm để giải đáp, chia sẻ với những khó khăn, vướng mắc, tổng hợp nhiều đề xuất, kiến nghị gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết².

Cùng với đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành đẩy mạnh cải cách TTHC, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hoá nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư...³.

¹ (1) Gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để có những giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, bất cập liên quan đến các chính sách về hỗ trợ, khuyến khích và quản lý đầu tư phát triển du lịch; (2) Tham dự Hội nghị Đối thoại doanh nghiệp và chính quyền 3 tỉnh Quảng Bình (Việt Nam), Khăm Muộn (Lào) và Nakhon Phanôm (Thái Lan) về tạo thuận lợi thương mại xuyên biên giới nhằm tạo cơ hội để chính quyền và doanh nghiệp các bên chia sẻ, thảo luận về khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC... để có sự trao đổi, phối hợp giữa chính quyền các tỉnh, sự trao đổi giữa chính quyền và doanh nghiệp để giải quyết (16/4/2019); (3) Tổ chức Hội nghị bàn giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), trong đó bao gồm chỉ đạo tập trung đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với xây dựng chính quyền điện tử và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; (5) Tổ chức gặp mặt, đối thoại với các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh năm 2019.

² Tổ chức đối thoại tại cá sở, ban, ngành: Sở LĐT&XH: 03 hội nghị; Sở Tư pháp: 02 hội nghị; Sở KH&ĐT: 03 hội nghị; Sở Xây dựng: 02 hội nghị; Sở Y tế: 01 hội nghị.

Tổ chức đối thoại tại cấp huyện: Quảng Ninh: 01 hội nghị; Bố Trạch: 03 hội nghị

³ UBND tỉnh đã giao trách nhiệm:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tốt công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh; Nâng cao chất lượng tư vấn của cán bộ đề hướng dẫn TTHC cho doanh nghiệp. Thường xuyên nâng cao chất lượng các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp theo từng chuyên đề, giải quyết dứt điểm và thoả đáng các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả, quá trình xử lý cho doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định về TTHC liên quan đến đất đai theo hướng cải cách quy trình, TTHC, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Thực hiện có hiệu quả rút ngắn 10% thời gian giải quyết TTHC so với thời hạn được pháp luật quy định. Thực hiện các giải pháp cần thiết giảm thời gian đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản xuống còn 20 ngày; thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết TTHC về cấp giấy CNQSD đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai...

- Sở Lao động, TB&XH rà soát các TTHC liên quan đến cấp phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Quảng Bình, đảm bảo đơn giản, thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp... Tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến

3. Về công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động cải cách hành chính và cải cách TTHC theo Kế hoạch số 724/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện: Minh Hóa, Quảng Trạch, Lệ Thủy. Qua kiểm tra, đã phát hiện những tồn tại, hạn chế, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, địa phương để thực hiện tốt hơn trong quá trình triển khai thực hiện, nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về kiểm soát quy định TTHC

Để kiểm soát các quy định về TTHC trong các Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh có các văn bản hướng dẫn cho các sở, ban, ngành, địa phương và thực hiện nghiêm quy trình góp ý, thẩm định đối với các quy định về TTHC trong các Dự thảo văn bản theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Trong năm 2019, các sở, ban, ngành đã thực hiện việc đánh giá tác động và tổ chức lấy ý kiến, thẩm định đối với 08 dự thảo QPPL có quy định về 42 TTHC liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT, Đất đai, Tiếp cận điện năng, An toàn thực phẩm và Xây dựng...⁴ (chi tiết tại Biểu số 01b).

3. Về công bố, công khai TTHC

Việc công bố, công khai TTHC luôn được UBND tỉnh xác định là một trong những khâu trọng tâm để phát huy sự giám sát của toàn xã hội đối với các TTHC. Các TTHC thường xuyên, liên tục được công bố, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo "đầy đủ, chính xác, kịp thời" theo các văn bản QPPL. Trong năm 2019,

khích xã hội hoá về đào tạo nghề, giáo dục và hỗ trợ các trường, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và xã hội...

⁴ (1) Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 ban hành Quy định Tiêu chí đặc thù và Quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (04 TTHC); Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 Ban hành Quy định về cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (03 TTHC); Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (11 TTHC); Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 ban hành Quy định về "một cửa liên thông" giữa Cơ quan nhà nước và Điện lực trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (07 TTHC); Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (01 TTHC); Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 Ban hành Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (01 TTHC); Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Tiêu chí đặc thù và Quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh (01 TTHC); Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực Đất đai áp dụng cho đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại các Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (12 TTHC).

UBND tỉnh đã ban hành 78 quyết định công bố danh mục và nội dung đối với 713 TTHC (Chi tiết tại Biểu số 03b).

Ngay sau khi được công bố, các TTHC đã được cập nhật kịp thời lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đồng thời được kết nối, tích hợp, đồng bộ hoá về Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Thông tin một cửa điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

4 Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

a) Về tiếp nhận, giải quyết TTHC

Việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ rệt, ngày càng phục vụ tốt hơn các yêu cầu giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức. Hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương đều bám sát và tuân thủ đúng các quy định về TTHC, như về thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết công việc.

Trong năm 2019, toàn tỉnh đã tiếp nhận **992.644** hồ sơ, trong đó tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết đúng hạn chiếm 98,38%% tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, tỷ lệ hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn chiếm 0,78%, tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn chỉ 0,84%, chủ yếu là do nguyên nhân khách quan (Chi tiết tại Biểu số 06đ).

b) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Ngay sau khi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức việc kiện toàn hệ thống Bộ phận Một cửa cho phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Hiện nay, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã được triển khai tại 157/159 xã, phường, thị trấn (2 xã Thượng Trạch và Tân Trạch thuộc huyện Bố Trạch chưa triển khai thực hiện bộ phận một cửa vì xã miền núi đặc biệt khó khăn); 100% đơn vị cấp huyện và sở, ngành thực hiện cơ chế một cửa.

Đồng thời với việc triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử, ngay sau khi các quyết định công bố TTHC và Danh mục TTHC được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan quản lý về ngành, lĩnh vực hoặc UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC được công bố, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên hệ thống thông tin một cửa điện tử. Trong đó, việc luân chuyển hồ sơ, kết quả giữa các cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh, UBND cấp huyện được thực hiện thông qua Bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP Chính phủ.

UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn đưa các TTHC ra tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Trung tâm Hành chính công của tỉnh tiếp tục hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC. Đến nay, có 12 sở, ngành thuộc UBND tỉnh đưa gần 100% TTHC vào giải quyết tại Trung tâm Hành chính công với tổng số 1.047 TTHC.

Ngày 06/5/2019, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 619/KH-UBND tổ chức thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh với mục tiêu đảm bảo tăng dần tỷ lệ TTHC được thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết, đồng thời tăng cường các giải pháp khác để giảm thiểu việc luân chuyển hồ sơ giấy trong quá trình giải quyết TTHC. Để quá trình thực hiện có hiệu quả và thuận tiện, Kế hoạch đã đưa ra một số giải pháp, nhiệm vụ thực hiện như tăng cường phân cấp, ủy

quyền giải quyết TTHC tại Trung tâm hành chính công tỉnh theo quy trình 4 bước; đăng ký thêm con dấu cho các sở, ban, ngành (gồm cả các đơn vị thuộc sở, ban, ngành) để thực hiện “đóng dấu” trực tiếp ngay tại TTHCC tỉnh đối với các kết quả sau khi ký phê duyệt, kèm theo việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng con dấu tại Trung tâm theo quy định.

c) Về thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Dịch vụ Bưu chính công ích

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Dịch vụ Bưu chính công ích đã được các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện nghiêm túc theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có 38 Bưu cục, 18 điểm Bưu điện văn hoá xã và 01 Bưu cục tại Trung tâm Hành chính công tỉnh triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC cho các sở, ban, ngành phát sinh nhiều hồ sơ trong năm như các Sở: Giao thông vận tải, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường.

Bên cạnh đó, thông tin về TTHC được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đã được UBND tỉnh công bố và tổ chức công khai trên mạng điện tử và niêm yết tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

**** Về triển khai cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến***

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tất cả sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã với 1.735 TTHC (cấp tỉnh: 1.434 thủ tục; cấp huyện: 159 thủ tục và cấp xã: 142 thủ tục), kết nối liên thông, đảm bảo xuyên suốt, cung cấp đầy đủ dữ liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi giao dịch.

Ngày 15/11/2019, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1903/KH-UBND ngày 15/11/2019 về xây dựng, hoàn thiện và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019-2020 với mục đích áp dụng có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 nhằm đơn giản hóa, tạo thuận lợi tối đa cho cá nhân và tổ chức trong thực hiện TTHC; giúp cho hoạt động của cơ quan nhà nước được minh bạch, mang tính phục vụ cao, góp phần đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước của tỉnh.

Ngay sau khi Cổng Dịch vụ công quốc gia được khai trương, Quảng Bình đã đăng ký cung cấp 02 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là Đối giấy phép lái xe và Thông báo hoạt động khuyến mại. Để đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo đúng cam kết, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC nói chung và hồ sơ trực tuyến nói riêng; kịp thời tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Về tình hình, kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính được UBND tỉnh thường xuyên quan tâm và chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc theo quy định. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thiết lập Chuyên mục “Người dân hỏi cơ quan chức năng trả lời” trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương mình nhằm hướng dẫn, giải đáp, xử lý các ý kiến của tổ chức, cá nhân về TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết; chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức đối thoại về TTHC để nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp. ✓

Trong năm 2019, toàn tỉnh đã tiếp nhận được 18 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Các phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận đều đã phân công cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng theo quy định của pháp luật (*Chi tiết tại Biểu số 05b*).

6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên chủ động phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đánh giá các quy định pháp luật về TTHC đang còn vướng mắc, bất cập ngay sau khi được phát hiện hoặc thông qua những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở đó, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản QPPL do UBND tỉnh đã ban hành hoặc kịp thời có văn bản kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đơn giản hóa các TTHC theo thẩm quyền ban hành.

Trong năm 2019, các sở, ban, ngành đã tổ chức rà soát và đề xuất đơn giản hoá 41 TTHC liên quan đến 08 văn bản QPPL trong lĩnh vực Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, Giao thông vận tải và Y tế. Các phương án đơn giản hoá nêu trên đã được Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền⁵ (*Chi tiết tại Biểu số 04b*).

7. Vấn đề khác

a) Về thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử có ký số

Thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, tỉnh Quảng Bình đã tổ chức rà soát, hoàn thiện các tính năng cơ bản của Hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử có ký số; cập nhật mã định danh cơ quan hành chính nước của tỉnh; thiết lập, cấu hình gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Đã cấp phát 1.143 chứng thư số gồm 328 chứng thư số tổ chức và 815 chứng thư số cá nhân, trong đó đã cấp phát chứng thư số tổ chức cho 100% cơ quan thuộc UBND tỉnh, 100% UBND cấp huyện. Đã cấp phát đủ cho 100% đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có con dấu, 100% UBND cấp xã. Về chứng thư số cá nhân, đã cấp phát cho gần 100% đối tượng là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương; lãnh đạo văn phòng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

Đến thời điểm hiện tại, Hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh Quảng Bình đã được triển khai ứng dụng để gửi, nhận văn bản điện tử có ký số tại 51 cơ quan cấp tỉnh và tương đương; 08/08 UBND cấp huyện; 157/159 UBND cấp xã và liên thông 3 cấp địa phương (trừ 02 xã Tân Trạch, Thượng Trạch của huyện Bố Trạch chưa có kết nối internet băng thông rộng).

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện chính thức thực hiện việc phát hành văn bản điện tử đi có ký số đối với tất cả các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện gửi trên Hệ thống QLVB&ĐH, trừ văn bản mật.

b) Về đơn giản hoá chế độ báo cáo

Thực hiện Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình,

⁵ Công văn số 13/UBND-KSTT ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh V/v rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Giám định Y khoa; Công văn số 99/UBND-KSTT ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh V/v rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực GTVT; Công văn số 332/UBND-KSTT ngày 18/03/2019 của UBND tỉnh V/v rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Đầu tư và TN&MT tại các KCN, KKT...;

trông đó đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2019-2021.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tham mưu các văn bản quy định, hướng dẫn về mặt pháp lý và các yêu cầu về quản lý nhà nước làm cơ sở cho việc xây dựng các chức năng, tính năng của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu tổ chức xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh trên cơ sở nâng cấp tính năng Hệ thống thông tin kinh tế-xã hội đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và UBND tỉnh. Ngoài ra, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và kết quả rà soát, phương án đơn giản hoá các chế độ báo cáo đã được UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt để ban hành hoặc tham mưu UBND cùng cấp ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo trên địa bàn theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách TTHC trong thời gian tới, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2020 trên địa bàn tỉnh ban hành theo Quyết định số 5074/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Kế hoạch tổ chức thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch xây dựng, hoàn thiện và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019-2020 và Kế hoạch xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Quảng Bình.

2. Kiểm soát chặt chẽ đối với quá trình soạn thảo ban hành văn bản QPPL có chứa quy định về TTHC, chỉ trình UBND tỉnh ban hành các TTHC theo đúng thẩm quyền được luật giao và đảm bảo sự cần thiết, tính hợp lý và hợp pháp.

3. Đẩy mạnh công tác rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC và quy định có liên quan đang còn vướng mắc, bất cập hoặc không còn phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

4. Tiếp tục rà soát đưa các TTHC vào thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp; tăng dần tỷ lệ TTHC thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết tại Bộ phận Một cửa; rà soát, bổ sung TTHC để xây dựng, hoàn thiện và triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh (đối với cả 3 cấp chính quyền).

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các hệ thống thông tin liên quan đến cải cách TTHC tại Kế hoạch hành động số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh...

6. Tổ chức xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh trên cơ sở nâng cấp tính năng Hệ thống thông tin kinh tế-xã hội đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

7. Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình. Thực hiện nâng cấp và hoàn thiện các chức năng trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện trong thời gian tới, UBND tỉnh Quảng Bình có một số đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành như sau:

1. Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử Việt Nam dưới hình thức văn bản QPPL.

2. Kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành đẩy mạnh việc rà soát, đơn giản hóa các quy trình thời gian các bước thực hiện TTHC, hồ sơ TTHC để đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

Trong đó, kiến nghị Bộ, ngành được giao xây dựng văn bản quy định về TTHC có trách nhiệm nghiên cứu xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 để áp dụng chung trong cả nước nhằm bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí trong đầu tư xây dựng.

3. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ triển khai sơ kết việc thí điểm phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử và sơ kết, đánh giá việc tổ chức Trung tâm phục vụ Hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp.

4. Kiến nghị các Bộ, ngành sớm nâng cấp các phần mềm giải quyết TTHC chuyên ngành hiện có và hỗ trợ địa phương kết nối, tích hợp dữ liệu về tình hình giải quyết TTHC với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

5. Kiến nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về việc đánh giá tác động, góp ý, thẩm định đối với TTHC.

6. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ sớm có văn bản hướng dẫn, định hướng về yêu cầu, tiêu chí, chức năng đối với Hệ thống thông tin báo cáo để các tỉnh, thành phố xây dựng, hoàn thiện và triển khai áp dụng tại địa phương.

7. Kiến nghị Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung về chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Ban TV Tỉnh ủy;
- TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan hành chính NN TW đóng trên địa bàn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (3).

CHỦ TỊCH



Trần Công Thuật

Biểu số 01b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI QUẢNG BÌNH**

(Năm 2019)

(Kèm theo Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 31/12/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh (Văn phòng UBND)

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, Văn bản

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số			Phân loại TTHC đã đánh giá tác động theo tên văn bản QPPL				Phân loại TTHC đã đánh giá tác động về nội dung		
					Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND		Số TTHC được quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC được bãi bỏ, hủy bỏ
		TTHC đã được ban hành	TTHC đã được đánh giá tác động	VB QPPL quy định TTHC đã được ban hành	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
	Tổng số	42	42	8	42	8	0	0	02	38	02
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	09	09	04	09	04	0	0	0	09	0
2	Sở Giao thông vận tải	11	11	01	11	01	0	0	0	11	0
3	Sở Công Thương	07	07	01	07	01	0	0	0	07	0
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	01	01	01	01	0	0	0	01	0
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	12	14	01	12	01	0	0	02	10	02

Ghi chú: Đã ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 ban hành Quy định Tiêu chí đặc thù và Quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt

động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (04 TTHC); Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 Ban hành Quy định về cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (03 TTHC); Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (11 TTHC); Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 ban hành Quy định về “một cửa liên thông” giữa Cơ quan nhà nước và Điện lực trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (07 TTHC); Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (01 TTHC); Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 Ban hành Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (01 TTHC); Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Tiêu chí đặc thù và Quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh (01 TTHC); Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực Đất đai áp dụng cho đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại các Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (12 TTHC).

Biểu số 02c/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017



**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH
TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL
TẠI QUẢNG BÌNH
(Năm 2019)**

(Kèm theo Báo cáo số ~~2019~~ BC-UBND ngày ~~31~~ 12/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh (Văn phòng UBND)

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	42	8	42	8	0	0
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	09	04	09	04		
2	Sở Giao thông vận tải	11	01	11	01		
3	Sở Công Thương	07	01	07	01		
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	01	01	01		
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	12	01	12	01		

Biểu số 03b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-
VPCP ngày 31/10/2017.

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI QUẢNG BÌNH**
(Năm 2019)
(Kèm theo Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 31/12/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh (Văn phòng UBND)
Đơn vị nhân báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai			
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQPPL	Tổng số	Số TTHC			VBQPPL		TTHC	
								Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)
	<i>A</i>	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Tổng số	74	629	629	4	4	84	45	1	38	3	1	512	201
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	0	0	01	01	78	41	0	37	01	01	41	37
2	Sở Khoa học và Công nghệ	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	27	3
3	Sở Y tế	11	82	82	0	0	0	0	0	0	0	0	46	36
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17	122	122	2	2	4	3	1	0	2	0	66	60

	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Sở Văn hoá và Thể thao	12	104	104	0	0	0	0	0	0	0	0	99	5
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7	37	37	0	0	0	0	0	0	0	0	22	15
7	Sở Giao thông vận tải	01	03	03	0	0	0	0	0	0	0	0	03	0
8	Sở Công Thương	03	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0	11	05
9	Sở Du lịch	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
10	Sở Tư pháp	5	14	14	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0
11	Sở Thông tin và Truyền thông	2	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	8	0
12	Sở Xây dựng	2	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	152	152	0	0	0	0	0	0	0	0	145	7
14	Ban Quản lý Khu kinh tế	1	50	50	1	1	2	1	0	1	0	0	26	26
15	Thanh tra tỉnh	1	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3

Ghi chú: Năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành 78 Quyết định, trong đó:

- 74 Quyết định công bố Danh mục TTHC, gồm có 629 TTHC;
- 04 Quyết định công bố TTHC, gồm có 84 TTHC.

Biểu số 04b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TẠI QUẢNG BÌNH**

(Năm 2019)

(Kèm theo Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 31 / 12 /2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh (Văn phòng UBND)

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC, nhóm TTHC hoặc quy trình giải quyết công việc trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi				
		Số lượng VBQPPL được rà soát	Số TTHC, quy trình giải quyết TTHC			Số lượng VBQPPL được rà soát	Số TTHC, quy trình giải quyết TTHC				
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			
				Sửa đổi	Quy định mới			Cắt giảm	Sửa đổi	Quy định mới	Cắt giảm
	Tổng số	08	41	40	0	01	12	26	26	0	0
I	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND tỉnh	08	41	40	0	01	12	26	26	0	0
A	Rà soát theo văn bản của địa phương	08	41	40	0	01					
1	Nhóm TTHC liên quan đến chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	01	04	04	0	0					
2	Nhóm TTHC trong lĩnh vực Đất đai (<i>áp dụng cho đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại các KKT</i>)	01	12	12	0	0					
3	Nhóm TTHC liên quan đến cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; quyết định công nhận hòa giải thành	01	01	0	0	01					
4	Nhóm TTHC liên quan đến phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án	01	03	03	0	0					

	liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp										
5	Nhóm TTHC liên quan đến chấp thuận, đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	01	01	01	0	0					
6	Nhóm TTHC trong lĩnh vực Đất đai (<i>áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</i>)	01	02	02	0	0					
7	Nhóm TTHC liên quan đến phân công cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh	01	06	06	0	0					
8	Nhóm TTHC trong lĩnh vực Đất đai (<i>áp dụng cho đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại các KKT</i>)	01	12	12	0	0					
B	Rà soát theo văn bản của Trung ương						12	26	26	0	0
1	Nhóm các TTHC trong các lĩnh vực Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường tại các KCN, KKT						04	05	05	0	0
2	Nhóm các TTHC trong lĩnh vực giám định y khoa						02	09	09	0	0
3	Nhóm các TTHC trong lĩnh vực Giao thông vận tải						06	12	12	0	0
II	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của TTgCP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số 05b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH TẠI QUẢNG BÌNH

(Năm 2019)

(Kèm theo Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh (Văn phòng UBND)

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã xử lý				Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
				Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua			Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số	18	04	14	18	04	14	17	01	0	0	0	18
I. PAKN tiếp nhận tại VP UBND tỉnh	02	02	0	02	02	0	02	0	0	0	0	02
1. Lĩnh vực Đầu tư (01 PAKN chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý)	01	01	0	01	01	0	01	0	0	0	0	01
2. Lĩnh vực Đất đai (01 PAKN chuyển UBND thành phố Đồng Hới)	01	01	0	0	01	0	01	0	0	0	0	01

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
II. PAKN gửi tại các đơn vị, địa phương	16	02	14	16	02	14	15	01	0	0	0	16
1. Lĩnh vực Đất đai (TP. Đông Hội 02)	03	0	03	03	0	03	03	0	0	0	0	03
2. Lĩnh vực Địa chính - Xây dựng (H. Minh Hóa 03)	03	01	02	03	01	02	02	01	0	0	0	03
3. Lĩnh vực Chính sách - Xã hội (H. Minh Hóa 01)	06	01	05	06	01	05	06	0	0	0	0	06
4. Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường (H. Minh Hóa 01)	01	0	01	01	0	01	01	0	0	0	0	01
5. Lĩnh vực Nội vụ (H. Minh Hoá 03)	03	0	03	03	0	03	03	0	0	0	0	03

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH
(Năm 2019)**

(Kèm theo Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 31/12/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh (Văn phòng UBND)
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

Số TT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	284.406	5.704	3.876	274.826	279.065	272.074	6.991	5.341	4.626	715	241.643	229.325	6.991	5.327
I	Ban Quản lý Khu kinh tế	122	0	0	122	122	122	0	0	0	0	122	122	0	0
1	Đầu tư	62	0	0	62	62	62	0	0	0	0	62	62	0	0
2	Quy hoạch xây dựng	30	0	0	30	30	30	0	0	0	0	30	30	0	0
3	Đất đai và Môi trường	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	9	9	0	0
4	Công sản	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0
5	Lao động	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	9	9	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
II	Sở Công Thương	8.741	1.031	0	7.710	8.741	8.741	0	0	0	0	8.741	8.741	0	0
1	Quản lý Thương mại	127	0	0	127	127	127	0	0	0	0	127	127	0	0
2	Vật liệu nổ CN, tiền chất thuốc nổ	30	0	0	30	30	30	0	0	0	0	30	30	0	0
3	Quản lý Cảnh tranh	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
4	Thông báo thực hiện khuyến mãi	8.490	1.031	0	7.459	8.490	8.490	0	0	0	0	8.490	8.490	0	0
5	Thương mại biên giới	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
6	Quản lý năng lượng	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
7	Kinh doanh khí	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
8	An toàn thực phẩm	16	0	0	16	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0
9	Hóa chất	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
10	Quản lý Công nghiệp	43	0	0	43	43	43	0	0	0	0	43	43	0	0
III	Sở Du lịch	133	0	0	133	133	133	0	0	0	0	133	133	0	0
1	Du Lịch	133	0	0	133	133	133	0	0	0	0	133	133	0	0
IV	Sở Giáo dục và Đào tạo	417	0	0	417	417	417	0	0	0	0	417	417	0	0
1	Giáo dục và Đào tạo	35	0	0	35	35	35	0	0	0	0	35	35	0	0
2	Hệ thống văn bản, chứng chỉ	382	0	0	382	382	382	0	0	0	0	382	382	0	0
V	Sở Giao thông vận tải	36.200	934	38	35.228	36.153	36.153	0	47	47	0	9.818	9.771	0	47
1	Quản lý vận tải	1.865	934	0	931	1.865	1.865	0	0	0	0	1.865	1.865	0	0
2	Quản lý phương tiện	581	0	0	581	581	581	0	0	0	0	354	354	0	0
3	Đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện	32.992	0	0	32.992	32.977	32.977	0	15	15	0	6.852	6.837	0	15

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Kết cấu hạ tầng giao thông	665	0	8	657	661	661	0	4	4	0	665	661	0	4
5	Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông	82	0	30	52	54	54	0	28	28	0	82	54	0	28
6	Thanh tra	15	0	0	15	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0
VI	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.076	2.56	191	2.129	4.733	4.727	6	343	343	0	5.076	4.727	6	343
1	Đăng ký kinh doanh	3.398	2756	0	642	3.398	3.398	0	0	0	0	3.398	3.398	0	0
2	Đầu tư tại Việt Nam	691	0	131	560	486	482	4	205	205	0	691	482	4	205
3	Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	465	0	12	453	422	422		43	43	0	465	422		43
4	Đầu tư công	490	0	48	442	399	397	2	91	91	0	490	397	2	91
5	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	7	0	0	7	4	4	0	3	3	0	7	4	0	3
6	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	25	0	0	25	24	24	0	1	1	0	25	24	0	1
VII	Sở Khoa học và Công nghệ	99	0	1	98	98	98	0	1	1	0	99	98	0	1
1	Hoạt động Khoa học và CN	59	0	1	58	59	59	0	0	0	0	59	59	0	0
2	An toàn bức xạ hạt nhân	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
3	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
4	Thẩm định công nghệ dự án đầu tư	11	0	0	11	10	10	0	1	1	0	11	10	0	1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
VIII	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	26.869	0	234	26.635	26.690	26.641	49	179	179	0	26.512	26.284	49	179
1	Người có công	1.234	0	0	1.234	1.224	1.204	20	10	10	0	1.061	1.031	20	10
2	Quản lý đào tạo nghề	10	0	1	9	10	8	2	0	0	0	10	8	2	0
3	Lao động tiền lương	218	0	6	212	215	188	27	3	3	0	210	180	27	3
4	Việc làm	25.231	0	227	25.004	25.065	25.065	0	166	166	0	25.231	25.065	0	166
5	Chăm sóc phục hồi cho người tâm thần	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bảo trợ xã hội	28	0	0	28	28	28	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Phòng chống tệ nạn xã hội	136	0	0	136	136	136	0	0	0	0	0	0	0	0
IX	Sở Ngoại vụ	95	0	0	95	95	95	0	0	0	0	95	95	0	0
	Ngoại vụ	95	0	0	95	95	95	0	0	0	0	95	95	0	0
X	Sở Nội vụ	711	0	0	711	706	706	0	5	5	0	248	243	0	5
1	Tổ chức bộ máy NN	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tổ chức Hội	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công chức, viên chức	181	0	0	181	181	181	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tôn giáo	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thi đua, khen thưởng	404	0	0	404	399	399	0	5	5	0	248	243	0	5
6	Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	99	0	0	99	99	99	0	0	0	0	0	0	0	0
XI	Sở Nông nghiệp và PTNT	15.916	0	17	15.899	15.901	15.901	0	15	15	0	2.958	2.956	0	2
1	Thủy lợi	6	0		6	5	5	0	1	1	0	6	5	0	1
2	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	47	0	1	46	47	47	0	0	0	0	47	47	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Kiểm lâm	191	0	16	175	178	178	0	13	13	0	37	37	0	0
4	Thủy sản	2.687	0	0	2.687	2.687	2.687	0	0	0	0	2.687	2.687	0	0
5	Chăn nuôi và Thú y	12.851	0	0	12.851	12.851	12.851	0	0	0	0	47	47	0	0
6	Quản lý xây dựng công trình	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
7	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	131	0	0	131	131	131	0	0	0	0	131	131	0	0
XII	Sở Tài chính	2.798	612	0	2.186	2.793	2.793	0	5	5	0	230	225	0	5
1	Tài chính doanh nghiệp	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tài chính đầu tư	230	0	0	230	225	225	0	5	5	0	230	225	0	5
3	Cấp Mã số QHNS	2.116	612	0	1.504	2.116	2.116	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Quản lý giá công sản	442	0	0	442	442	442	0	0	0	0	0	0	0	0
XIII	Sở Tài nguyên và Môi trường	122.185	32	2.958	119.195	118.227	111.421	6.806	3.958	3.243	715	122.185	111.421	6.806	3.958
1	Đất đai cấp tỉnh (áp dụng đối với tổ chức)	725	0	22	703	624	624	0	101	101	0	725	624	0	101
2	Đất đai cấp huyện (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân)	74.530	0	2.927	71.603	70.725	63.919	6.806	3.805	3.090	715	74.530	63.919	6.806	3.805
3	Giao dịch đảm bảo (đối với tổ chức)	194	0	3	191	194	194	0	0	0	0	194	194	0	0
4	Giao dịch đảm bảo (đối với cá nhân, hộ gia đình)	46.353	0	0	46.353	46.353	46.353	0	0	0	0	46.353	46.353	0	0
5	Đo đạc bản đồ	5	0	1	4	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Tài nguyên nước	34	0	1	33	29	29	0	5	5	0	34	29	0	5
7	Môi trường	204	32	2	170	172	172	0	32	32	0	204	172	0	32
8	Địa chất, khoáng sản	140	0	2	138	125	125	0	15	15	0	140	125	0	15
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	89	0	2	87	88	88	0	1	1	0	54	54	0	0
1	Xuất bản, In và Phát hành	50	0	0	50	49	49	0	1	1	0	35	35	0	0
2	Báo chí	18	0	0	18	18	18	0	0	0	0	2	2	0	0
3	Công nghệ thông tin	15	0	2	13	15	15	0	0	0	0	15	15	0	0
4	Phát thanh, Truyền hình, Thông tin điện tử	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	1	1	0	0
5	Bưu chính	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XV	Sở Tư pháp	35.882	67	257	35.558	35.425	35.300	125	457	457	0	35.882	35.300	125	457
1	Lý lịch tư pháp	12.127	67	255	11.805	11.674	11.553	121	453	453	0	12.127	11.553	121	453
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	8	0	0	8	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0
3	Trợ giúp pháp lý	237	0	0	237	237	237	0	0	0	0	237	237	0	0
4	Chứng thực	17.653	0	0	17.653	17.653	17.653	0	0	0	0	17.653	17.653	0	0
5	Công chứng	5.834	0	0	5.834	5.834	5.832	2	0	0	0	5.834	5.832	2	0
6	Đấu giá tài sản	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Quốc tịch	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
8	Nuôi con nuôi	3	0	2	1	1	1	0	2	2	0	3	1	0	2
9	Luật sư	13	0	0	13	11	9	2	2	2	0	13	9	2	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
XVI	Sở Văn hóa và Thể thao	388	0	0	388	384	384	0	4	4	0	388	384	0	4
1	Karaoke	40	0	0	40	40	40	0	0	0	0	40	40	0	0
2	Quảng cáo	277	0	0	277	274	274	0	3	3	0	277	274	0	3
3	Di sản văn hóa	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Biểu diễn nghệ thuật	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
5	Trò chơi giải trí	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
	Thể dục, thể thao	44	0	0	44	43	43	0	1	1	0	44	43	0	1
XVII	Sở Xây dựng	2.151	0	80	2.071	2.054	2.049	5	97	97	0	2.151	2.049	5	97
1	Quy hoạch xây dựng	178	0	20	158	159	155	4	19	19	0	178	155	4	19
2	Hoạt động xây dựng	1.640	0	52	1.588	1.574	1.573	1	66	66	0	1.640	1.573	1	66
3	Vật liệu xây dựng	16	0	0	16	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0
4	Kinh doanh bất động sản	81	0	0	81	81	81	0	0	0	0	81	81	0	0
5	Quản lý xây dựng công trình	13	0	0	13	12	12	0	1	1	0	13	12	0	1
6	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	223	0	8	215	212	212	0	11	11	0	223	212	0	11
XVIII	Sở Y tế	26.402	272	95	26.035	26.177	26.177	0	225	225	0	26.402	26.177	0	225
1	Y tế dự phòng	10.678	271	0	10.407	10.678	10.678	0	0	0	0	10.678	10.678	0	0
2	Dược phẩm	676	0	63	613	545	545	0	131	131	0	676	545	0	131
3	Khám bệnh, chữa bệnh	14.171	0	32	14.139	14.124	14.124	0	47	47	0	14.171	14.124	0	47
4	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	105	0	0	105	98	98	0	7	7	0	105	98	0	7

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
5	Trang thiết bị y tế	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
	Giám định y khoa	771	0	0	771	731	731	0	40	40	0	771	731	0	40
XIX	Thanh tra	125	0	0	125	125	125	0	0	0	0	125	125	0	0
1	Giải quyết khiếu nại	29	0	0	29	29	29	0	0	0	0	29	29	0	0
2	Giải quyết tố cáo	57	0	0	57	57	57	0	0	0	0	57	57	0	0
3	Xử lý đơn thư	39	0	0	39	39	39	0	0	0	0	39	39	0	0
XX	Ban Dân tộc	7	0	3	4	3	3	0	4	4	0	7	3	0	4
	Dân tộc	6	0	2	4	2	2	0	4	4	0	6	2	0	4
	Xử lý đơn thư	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (8 đơn vị cấp huyện)	58.631	0	1.500	57.131	56.657	56.304	353	1.974	1.716	258	47.533	45.724	246	1.563
1	Tư pháp	1.356	0	0	1.356	1.356	1.356	0	0	0	0	1.356	1.356	0	0
2	Công Thương	37	0	0	37	37	37	0	0	0	0	12	12	0	0
3	Giáo dục	178	0	0	178	178	178	0	0	0	0	12	6	6	0
4	Kế hoạch, đầu tư	1.768	0	5	1.763	1.725	1.725	0	43	43	0	1.115	1.104	0	11
5	Đấu thầu	199	0	6	193	199	194	5	0	0	0	184	179	5	0
6	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	3.026	0	55	2.971	3.020	3.018	2	6	6	0	3.020	3.012	2	6
7	Đăng ký kinh doanh	911	0	28	883	880	880	0	31	15	16	911	880	0	31
8	Người có công	1.653	0	122	1.531	1.651	1.651	0	2	2	0	169	169	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
9	Bảo trợ xã hội	3.309	0	105	3.204	3.137	3.136	1	172	172	0	730	685	1	44
10	Lao động, thương binh và XH	1.192	0	2	1.190	1.171	1.161	10	21	19	2	1.192	1.161	12	19
11	Tôn giáo	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Thi đua, khen thưởng	1.998	0	0	1.998	1.998	1.998	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Xây dựng chính quyền	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Nội vụ	136	0	0	136	136	136	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	75	0	2	73	71	71	0	4	4	0	0	0	0	0
16	Nông nghiệp	57	0	0	57	57	57	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Tài chính	420	0	13	407	391	390	1	29	29	0	0	0	0	0
18	Tài chính - Kế hoạch	167	0	2	165	166	152	14	1	0	1	167	152	14	1
19	Môi trường	279	0	32	247	236	232	4	43	11	32	279	232	4	43
20	Đất đai	12.922	0	840	12.082	12.013	11.791	222	909	753	156	12.917	11.991	108	818
21	Tài nguyên - môi trường	2.083	0	0	2.083	1.939	1.939	0	144	144	0	670	628	0	42
22	Viễn thông và Internet	77	0	0	77	77	77	0	0	0	0	46	46	0	0
23	Tiếp công dân	1.039	0	0	1.039	1.039	1.039	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Xử lý đơn thư	810	0	42	768	795	795	0	15	15	0	0	0	0	0
25	Giải quyết khiếu nại	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Chứng thực	31	0	2	29	31	31	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Hộ tịch	12.640	0	0	12.640	12.640	12.640	0	0	0	0	12.640	12.640	0	0
28	Đăng ký giao dịch bảo đảm	1.318	0	8	1.310	1.308	1.300	8	10	10	0	1.316	1.304	8	4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
29	Văn hóa cơ sở	119	0	0	119	119	119	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quản lý đô thị	42	0	4	38	28	28	0	14	14	0	42	28	0	14
31	Xây dựng	1.243	0	0	1.243	1.137	1.081	56	106	83	23	1.243	1.081	56	106
32	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	2.664	0	232	2.432	2.240	2.210	30	424	396	28	2.664	2.210	30	424
33	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	16	0	0	16	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (159 đơn vị cấp xã)	649.607	230	4.375	645.002	648.209	648.157	52	1.398	1.398	0	643.357	641.336	656	1.365
1	Tư pháp	241.436	0	2.634	238.802	241.414	241.414	0	22	22	0	241.436	241.414	0	22
2	Đăng ký, quản lý cư trú	3.748	0	0	3.748	3.748	3.748	0	0	0	0	2.814	2.814	0	0
3	Giáo dục	1.661	0	0	1.661	1.661	1.661	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Kế hoạch, đầu tư	34	0	0	34	33	33	0	1	1	0	26	26	0	0
5	Bảo trợ xã hội	3.241	0	6	3.235	3.147	3.147	0	94	94	0	3.241	3.147	0	94
6	Người có công	3.442	0	25	3.417	3.338	3.336	2	104	104	0	3.440	3.336	0	104
7	Lao động, thương binh và XH	15.299	0	115	15.184	15.288	15.287	1	11	11	0	15.299	15.287	1	11
8	Việc làm	76	0	0	76	76	76	0	0	0	0	32	32	0	0
9	Chính sách (BCA)	32	0	0	32	32	32	0	0	0	0	32	32	0	0
10	Tôn giáo	37	0	0	37	37	37	0	0	0	0	31	31	0	0
11	Xây dựng chính quyền	167	0	0	167	167	167	0	0	0	0	130	130	0	0
12	Nông nghiệp	18	0	2	16	17	17	0	1	1	0	4	4	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
13	Xây dựng cơ bản	44	0	0	44	40	40	0	4	4	0	16	16	0	0
14	Lâm nghiệp	18	0	0	18	18	18	0	0	0	0	18	18	0	0
15	Khiếu nại, tố cáo	18	0	0	18	14	14	0	4	4	0	7	6	0	1
16	Bảo hiểm y tế	17.856	0	16	17.840	17.754	17.754	0	102	102	0	16.084	15.982	0	102
17	Tài chính	134	0	0	134	134	134	0	0	0	0	134	134	0	0
18	Đất đai	27.043	0	1.345	25.698	26.165	26.116	49	878	878	0	27.003	25.470	655	878
19	Tài nguyên - môi trường	3.927	0	159	3.768	3.846	3.846	0	81	81	0	3.927	3.846	0	81
20	Giải quyết khiếu nại	13	0	0	13	9	9	0	4	4	0	0	0	0	0
21	Tiếp công dân	491	2	26	463	490	490	0	1	1	0	146	146	0	0
23	Xử lý đơn thư	272	0	1	271	252	252	0	20	20	0	143	141	0	2
24	Hộ tịch	30.579	37	0	30.542	30.535	30.535	0	44	44	0	30.579	30.535	0	44
25	Phổ biến giáo dục pháp luật	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
26	Hòa giải ở cơ sở	130	2	3	125	129	129	0	1	1	0	26	26	0	0
27	Chứng thực	267.487	189	0	267.298	267.483	267.483	0	4	4	0	267.487	267.483	0	4
28	Văn hóa	17.478	0	28	17.450	17.478	17.478	0	0	0	0	17.478	17.478	0	0
29	Xây dựng	21	0	0	21	21	21	0	0	0	0	21	21	0	0
30	Y tế	14.894	0	15	14.879	14.872	14.872	0	22	22	0	13.792	13.770	0	22
	Tổng cộng toàn tỉnh (A+B+C):	992.644	5.934	9.751	976.959	983.931	976.535	7.396	8.713	7.740	973	932.533	916.385	7.893	8.254

Biểu số 06g/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.



**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC
TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Năm 2019)

(Kèm theo Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 31/12/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh (Văn phòng UBND)

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Cấp tỉnh	715		
1	Đất đai	715	b1x715	
II	Cấp huyện	258		
1	Đất đai	156	a4x109 c2x32 dx15: Do phải xác minh thực địa và chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính (chậm nộp thuế).	
2	Môi trường	32	c2x32	
3	Lao động, Thương binh và Xã hội	02	c2x02	
4	Xây dựng	23	c2x23	
5	Tài chính	01	c2x01	
6	Đăng ký kinh doanh	16	c2x16	
7	Quy hoạch xây dựng	28	c2x28	
	Tổng số:	973		

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 06g/VPCP/KSTT
NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC



1. Tổng hợp nguyên nhân quá hạn:

a. Quy định hành chính

- a1. Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng
- a2. Do quy định tại các VBQPPL mâu thuẫn với nhau
- a3. Do quy định tại VBQPPL không hợp lý
- a4. Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông)

b. Cán bộ, công chức

- b1. Do thiếu biên chế
- b2. Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết
- b3. Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc những nhũu

c. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- c1. Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp
- c2. Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém

d. Nguyên nhân khác (nêu cụ thể). ✓